

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày: 20-9-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hải Châu;

2. Bà Dương Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm tại phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

V Đ B, tên gọi khác: Không, sinh ngày 02/02/1979 tại xã Đ X, huyện T B, tỉnh Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 1, xã Đ X, huyện T B, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Tổ dân phố D P, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông V Q T sinh năm 1936 (đã chết); con bà N T H sinh năm 1935; có vợ là T T T H sinh năm 1983, có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2009);

Tiền án: Không; tiền sự: Không; hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Người đại diện theo ủy quyền của Công ty X Việt Nam là anh V T D, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Số 406 C1, Tập thể T T, phường T T, quận Đ, thành phố Hà Nội - vắng mặt.

+ Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Y Việt Nam là anh Đ Đ C, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Tổ Z, phường D H, thành phố L, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng: Anh V H N, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Tổ dân phố D P, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi nhận được tin báo của nhân dân tại chợ S Ch, huyện S, tỉnh Lào Cai có dấu hiệu buôn bán hàng giả là mì chính nhãn hiệu X và MIWON. Ngày 15/5/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện S phối hợp với đội quản lý thị trường số 3 kiểm tra tại khu vực chợ đã phát hiện V Đ B sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố D P, thị trấn S, huyện S đang bày bán 17 gói mì chính nhãn hiệu MIWON gồm 02 gói loại 01kg/gói, 15 gói loại 350g/gói và 42 gói mì chính nhãn hiệu X gồm 02 gói loại 1kg/gói, 31 gói loại 400g/gói, 9 gói loại 140g/gói, tổ công tác đã yêu cầu V Đ B xuất trình giấy tờ có liên quan, nhưng V Đ B không xuất trình được hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ đối với số mì chính trên, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản và tạm giữ toàn bộ số mì chính trên để phục vụ công tác điều tra. Ngày 18/6/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S đã tiến hành khám xét tại nhà của V Đ B; quá trình khám xét không phát hiện được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo B khai nhận: Khoảng đầu tháng 5/2024 có 01 người đàn ông khoảng 50 tuổi điều khiển 01 xe ô tô tải màu trắng, bị cáo không nhớ biển kiểm soát xe ô tô đi giao hàng tại thị trấn S, khi đi qua nhà B, B hỏi người này có hàng gì bán không, người này nói với B *“tôi có hàng mì chính (bột ngọt) bao này anh mua không, hiện tại còn 02 bao”*, sau đó B mua 02 bao mì chính trên bên ngoài bao có nhiều dòng chữ nước ngoài và hình hai con tôm, mỗi bao 25kg, với giá 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), B hỏi *“có đồ đóng không”*, người này nói *“tôi mang đi ít đây này”* người đàn ông này lấy một bọc túi nilon đựng trong túi bóng và nói *“mỗi thứ một tí, mang về đóng xem có bán được không”*, B đưa cho người đàn ông này 170.000 đồng (một trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền mua túi. Sau khi mang túi nilon về nhà B kiểm tra thấy túi nilon in sẵn nhãn hiệu mì chính X và MIWON với kích cỡ to, nhỏ khác nhau; đối với túi in nhãn hiệu X gồm có loại 01kg/gói, loại 400g/gói và loại 140g/gói, đối với túi in nhãn hiệu MIWON gồm có loại 01kg/gói và loại 350g/gói. Sau đó B lấy 01 bao mì chính mua về đổ ra chậu rồi dùng muôi nhựa xúc mì chính từ trong chậu cho vào các túi nilon đã in sẵn nhãn hiệu X và MIWON, sau khi xúc mì chính vào gói B sử dụng đèn dầu để hơ mép túi và dùng tay miết mép túi đóng thành gói. Sau khi đóng xong B thuê xe ô tô biển số đăng ký 30F-7072 của anh V H N sinh năm 1996 trú tại tổ dân phố D P, thị trấn S, huyện S trở đi bán tại chợ S Ch, huyện S. B đã bán được 02 gói mì chính X loại 01kg/gói với giá 35.000 đồng/gói và 02 gói mì chính X loại 400g/gói với giá 15.000 đồng/gói, tổng số tiền B thu được từ việc bán mì chính giả là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Còn lại 01 bao mì chính B cất trong buồng ngủ tại nhà với mục đích để tiếp tục đóng gói bán kiếm lời, đối với bao mì chính này B đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện S để phục vụ quá trình điều tra.

Về đồ vật, tài liệu tạm giữ gồm: 31 gói mì chính nhãn hiệu X loại 400g/gói, 09 gói mì chính nhãn hiệu X loại 140g/gói, 02 gói mì chính nhãn hiệu X loại 01kg/gói; 15 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 350g/gói, 02 gói mì chính nhãn hiệu

MIWON loại 01kg/gói; 01 bao tải xác rắn bên ngoài in chữ nước ngoài hình hai con tôm và 01 bao tải xác rắn bên ngoài có nhiều dòng chữ nước ngoài hình hai con tôm và ghi dòng chữ 25kg, bên trong chứa chất dạng tinh thể bột màu trắng (mì chính); 01 muối nhựa màu hồng; 01 chậu nhựa màu xanh; 01 đèn B sứ nắp B kim loại. Đối với chiếc bật lửa gas B dùng đốt đèn dầu hơi mép túi để đóng gói mì chính, sau khi sử dụng xong B đã vứt bỏ, không biết vứt ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm và thu giữ.

Tại kết luận giám định số 3787/KL-KTHS ngày 05/6/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: 31 gói mì chính nhãn hiệu X loại 400g/gói (ký hiệu M1), 09 gói mì chính nhãn hiệu X loại 140g/gói (ký hiệu M3), 02 gói mì chính nhãn hiệu X loại 01kg/gói (ký hiệu M4) gửi giám định đều không cùng loại với các gói mì chính nhãn hiệu X loại 400g/gói, loại 140g/gói và loại 1kg/gói do Công ty X cung cấp làm mẫu so sánh. 15 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 350g/gói (ký hiệu M2), 02 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 01kg/gói (ký hiệu M5) gửi giám định đều không cùng loại với các gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 350g/gói và loại 1kg/gói do Công ty TNHH Y Việt Nam cung cấp làm mẫu so sánh. Tinh thể màu trắng trong các gói mì chính (ký hiệu từ M1 đến M5) gửi giám định đều cùng loại với tinh thể màu trắng trong bao tải xác rắn gửi giám định. Tinh thể mì chính trong các mẫu gửi giám định đều có hàm lượng kim loại nặng Asen (As), Thủy ngân (Hg), Cadimi (Cd), Chì (Pb) đạt tiêu chuẩn cho phép về hàm lượng kim loại nặng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (QCVN 8-2:2011/BYT).

Tại kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 24/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện S kết luận: Giá trị số mì chính thu giữ tại thời điểm định giá là 2.357.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Cáo trạng số 06/CT-VKS-SMC ngày 29/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai truy tố bị can V Đ B về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 193 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử khẳng định cáo trạng truy tố đối với bị cáo V Đ B về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm*” theo khoản 1 Điều 193 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Không. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo B được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Về hình phạt chính Áp dụng khoản 1 Điều 193; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo V Đ B từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm*”. Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không đề nghị áp dụng hình phạt tiền.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu, tiêu hủy

toàn bộ số vật chứng còn lại; truy thu số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội 100.000 đồng. Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Y Việt Nam anh Đ Đ C vắng mặt nhưng tài liệu trong hồ sơ và đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Về trách nhiệm dân sự: Công ty không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì.

+ Người đại diện theo ủy quyền của Công ty X Việt Nam anh V T D vắng mặt nhưng tài liệu trong hồ sơ và đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện do bận công việc đột xuất nên không thể đến trực tiếp tham dự phiên tòa được, đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án. Về trách nhiệm dân sự: Công ty không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì.

- Ý kiến của người làm chứng V H N trình bày có mối quan hệ với bị cáo B là chú, cháu; khi trở thuê hàng cho bị cáo B đi bán hàng anh không biết hàng của bị cáo có mì chính giả.

Đối với chiếc xe ô tô biển số đăng ký 30F-7072 là xe của anh V H N được B thuê chở mì chính giả đi bán tại chợ S Ch, huyện S. Quá trình điều tra đã xác định khi B thuê Nam chở hàng, anh Nam không biết có mì chính giả nên Cơ quan điều tra không tạm giữ chiếc xe này.

Đối với số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) là tiền thu lợi bất chính từ việc bán mì chính giả, B đã chi tiêu cá nhân hết nên không thu giữ được.

Đối với người đàn ông bán 02 bao mì chính và túi nilon in nhãn hiệu X và MIWON cho B, quá trình điều tra, bị can không biết để cung cấp được biển kiểm soát của xe, không biết tên, địa chỉ của người này nên không có căn cứ để điều tra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2]. Về tội danh, hình phạt chính: Tại phiên tòa bị cáo V Đ B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã mua 02 bao mì chính bên ngoài có nhiều dòng chữ nước ngoài, hình hai con tôm, mỗi bao có trọng lượng 25kg, bên trong là mì chính, bị cáo đã đóng gói số lượng mì chính trong 01 bao vào các túi nhãn hiệu MIWON và X để bán tại chợ S Ch với số lượng như bản cáo trạng nêu nhằm mục đích kiếm lời thì bị phát hiện bắt giữ. Kết luận giám định số 3787/KL-KTHS ngày 05/6/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: 31 gói mì chính nhãn hiệu X loại 400g/gói (Ký hiệu M1), 09 gói mì chính nhãn hiệu X loại 140g/gói (Ký hiệu M3), 02 gói mì chính nhãn hiệu X loại 01kg/gói (Ký hiệu M4) gửi giám định đều không cùng loại với các gói mì chính nhãn hiệu X loại 400g/gói, loại 140g/gói và loại 1kg/gói do

Công ty X cung cấp làm mẫu so sánh; 15 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 350g/gói (ký hiệu M2), 02 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 01kg/gói (ký hiệu M5) gửi giám định đều không cùng loại với các gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 350g/gói và loại 1kg/gói do Công ty TNHH Y Việt Nam cung cấp làm mẫu so sánh. Tinh thể màu trắng trong các gói mì chính (ký hiệu từ M1 đến M5) gửi giám định đều cùng loại với tinh thể màu trắng trong bao tải xác rắn gửi giám định. Tinh thể màu trắng trong các mẫu gửi giám định đều có hàm lượng kim loại nặng Asen (As), Thủy ngân (Hg), Cadimi (Cd), Chì (Pb) đạt tiêu chuẩn cho phép về hàm lượng kim loại nặng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (QCVN 8-2:2011/BYT). Bị cáo đã nhận được thông báo kết luận giám định, tại phiên tòa đã đồng ý và không có ý kiến khác.

Tại kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 24/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện S kết luận: Giá trị số mì chính thu giữ tại thời điểm định giá là 2.357.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Bị cáo đã nhận được thông báo kết luận định giá tài sản đồng ý và không có ý kiến khác.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo sang chiết, đóng gói vào các gói mì chính có hình thức bao bì giống với hàng thật làm cho người tiêu dùng nhầm lẫn với nhãn hiệu, hàng hóa của cơ sở sản xuất đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền và đã bán tại chợ S Ch một lần thu lợi bất chính được số tiền 100.000 đồng. Như vậy đã có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo phạm vào tội Sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 193 của Bộ luật hình sự. Bị cáo B là người hiểu biết pháp luật, do ham lợi nhuận nên đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến quy định của Nhà nước, doanh nghiệp về trật tự quản lý kinh tế, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nên cần phải ra một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố đẻ là ông V Q T được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân Chương cao quý như (năm 1971 được tặng thưởng Huân Chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba; năm 1987 được tặng thưởng Huân Chương kháng chiến hạng nhì; năm 1996 được tặng thưởng Huân Chương kháng chiến hạng nhất và năm 2007 được Ban Chấp hành trung ương tặng huy hiệu 30 năm tuổi đảng). Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú ổn định tại tổ dân phố D P, thị trấn S, trong thời gian sinh sống tại xã Đ X, huyện T B, tỉnh Phú Thọ chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc khi lượng hình.

Đối với toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người làm nghề lao động tự do hiện nay đang thuê nhà cư trú tại tổ dân phố D P, thị trấn S và buôn bán lẻ hàng hóa tại các chợ phiên trên địa bàn huyện S, thu nhập không ổn định, tài sản của bị cáo chủ yếu là các đồ dùng, vật dụng phục vụ cuộc sống hàng ngày, không

có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền tiền đối với bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng: 01 bao tải xác rắn màu trắng, bên ngoài in chữ nước ngoài và hình 02 con tôm; 01 muôi nhựa màu hồng; 01 chậu nhựa màu xanh; 01 đèn dầu B sứ, lắp B kim loại;

01 bao tải xác rắn bên ngoài in chữ nước ngoài và hình 02 con tôm ghi dòng chữ 25kg, bên trong chứa chất dạng bột tinh thể màu trắng (mì chính); 01 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 01kg/gói; 12 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 350g/gói; 01 gói mì chính nhãn hiệu X loại 01kg/gói; 06 gói mì chính nhãn hiệu X loại 140g/gói; 26 gói mì chính nhãn hiệu X loại 400g/gói được đựng trong một thùng giấy dán kín, niêm phong bởi giấy niêm phong có dấu tròn đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và các chữ ký có ghi rõ họ tên của những người liên quan. Là vật cấm tàng trữ, lưu hành, là công cụ, phương tiện phạm tội và là vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Số tiền 100.000 đồng do thu lợi bất chính từ việc bán mì chính giả cần truy thu sung ngân sách nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo V Đ B phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 193; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo V Đ B phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là phụ gia thực phẩm”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo V Đ B 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

3. Về việc xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 bao tải xác rắn màu trắng, bên ngoài in chữ nước ngoài và hình 02 con tôm; 01 muôi nhựa màu hồng; 01 chậu nhựa màu xanh; 01 đèn dầu B sứ, lắp B kim loại;

+ 01 bao tải xác rắn bên ngoài in chữ nước ngoài và hình 02 con tôm ghi dòng chữ 25kg, bên trong chứa chất dạng bột tinh thể màu trắng (mì chính); 01 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại 01kg/gói; 12 gói mì chính nhãn hiệu MIWON loại

350g/gói; 01 gói mì chính nhãn hiệu X loại 01kg/gói; 06 gói mì chính nhãn hiệu X loại 140g/gói; 26 gói mì chính nhãn hiệu X loại 400g/gói được đựng trong một thùng giấy dán kín, niêm phong bởi giấy niêm phong có dấu tròn đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và các chữ ký có họ tên của những người liên quan. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S với Chi cục thi hành án dân sự huyện S ngày 29/8/2024).

+ Truy thu của bị cáo V Đ B số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Bị cáo V Đ B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- PC 81 Công an tỉnh;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THA DS huyện S;
- CQTHA Hình sự CA huyện S;
- Bị cáo;
- Người có ql.nv.lq (02);
- Lưu: HS, THS, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

